TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140 /2019/HS-PT
Ngày: 13/08/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long.**
Các Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**.
Ông **Nguyễn Tấn Anh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh**- Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 77/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáoPhạm Thị Ngọc T do có kháng cáo của bị cáo Tđối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:***Phạm Thị Ngọc T** - Sinh ngày 10 tháng 2 năm 1983 tại Quảng Nam; nơi cư trú: K202/H19/29 T, tổ 43, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng Cộng sản Viện Nam (*Hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 32-QĐ/UBKTQU ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban kiểm tra Quận Ủy Liên Chiểu*); Con ông Phạm Ngọc S (*Sinh năm 1960*) và bà Lê Thị M (*Sinh năm 1963*); có chồng là Trương Đình T và 02 con (*Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh ngày 29 tháng 3 năm 2018*); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, (*Có mặt*).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Ngô Thị H có đơn kháng cáo những đã rút đơn kháng cáo; bị cáo Nguyễn Thị U và Từ Thị Ngọc L nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ngọc T:*

1. Ông **Bùi Bá D**, Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Minh K**, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV M thuộc Đoàn Luật sư Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

3. Ông **Đặng Văn C**, Luật sư văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm:

*+Bị hại:***Trường mầm non N** ; Địa chỉ: Tổ 98 (Tổ 210 cũ), phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng; người đại diện theo pháp luật: bà **Đặng Thị B**- Chức vụ: hiệu trưởng. Nơi cư trú: tổ 2, phường N, quận C, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

+ Các bị án:

Ngô Thị H - Sinh ngày 11 tháng 3 năm 1976 tại Nghệ An; nơi cư trú: số 238 S, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

Nguyễn Thị U - Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1985 tại Đăk Lăk; nơi cư trú: tổ 98, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

Từ Thị Ngọc L - Sinh ngày 20 tháng 3 năm 1964 tại Đà Nẵng; nơi ĐKNKTT: tổ 98, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng; Có mặt.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH V**; Trụ sở: 407 V, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng.*Người đại diện theo ủy quyền*: Chị Nguyễn Thị T- chức vụ: Kế toán. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo Ngô Thị H, Phạm Thị Ngọc T, Từ Thị Ngọc L và Nguyễn Thị U đều khai nhận: Trường mầm non N địa chỉ tại tổ 98 (*Tổ 210 cũ*), phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng là trường mầm non công lập được thành lập theo Quyết định số 430/QĐ-GD&ĐT ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng. Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, trong năm học 2015 - 2016, với tư cách là Hiệu trưởng, Ngô Thị H đã chỉ đạo Phạm Thị Ngọc T (*Phó Hiệu trưởng phụ trách bán trú*), Từ Thị Ngọc L (*Thủ quỹ*) và Nguyễn Thị U (*Nhân viên cấp dưỡng*) thực hiện việc cắt xén các suất ăn sáng, ăn trưa, sữa sáng và tiền phục vụ hoạt động năng khiếu của trẻ nhằm tạo điều kiện để H chiếm đoạt riêng cho cá nhân. Cụ thể:

1. Về việc chiếm đoạt tiền ăn sáng:

Đầu năm trường thông báo, thỏa thuận với phụ huynh thu 12.000 đồng/suất /ngày. H chỉ đạo cho T hàng tuần khi tiến hành lên thực đơn ăn sáng cho học sinh vào tuần sau sẽ tiến hành cắt xén bớt khoảng gần 40 suất ăn của trẻ. Thực hiện chỉ đạo của H, trong quá trình lên thực đơn, vào cuối mỗi tuần, căn cứ vào số lượng trẻ đăng ký ăn sáng do giáo viên các lớp trực tiếp báo cho T, khi lên thực đơn ăn sáng cho tuần tiếp theo, T đã trực tiếp cắt xén phần thực phẩm ăn sáng của trẻ mỗi ngày tương ứng khoảng gần 40 suất ăn sáng. Sau đó, T sử dụng địa chỉ mail cá nhân của mình là "phamngocthao@gmail.com" để gửi mail qua cho Công ty TNHH V (*Trụ sở tại: 407 V, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng*), (*Gọi tắt là Công ty V*), cụ

thể là hộp thư cá nhân "nguyenthithu106@gmail.com"của Kế toán là Nguyễn Thị T, thể hiện nội dung đặt mua thực phẩm của thực đơn ăn sáng trong từng tuần cho trẻ (*Đã được cắt, xén*) và Công ty V căn cứ vào thực đơn thực phẩm ăn sáng đặt mua của T đã gửi để cung cấp thực phẩm ăn sáng hàng ngày cho trường. Đồng thời, sau đó, T còn làm thêm bảng kê thực phẩm hàng ngày để cân đối lại cho đúng với số lượng trẻ đã đăng ký ăn sáng trong ngày gửi qua cho Công ty V để ký xác nhận và gửi lại trường N để lưu, theo dõi theo hồ sơ quản lý của nhà trường. Theo sự chỉ đạo của H, cuối tháng U đối chiếu công nợ với Công ty V, tổng hợp số tiền thanh toán lương phục vụ cho giáo viên, số tiền mua thực phẩm, số tiền chênh lệch từ việc cắt xén và cùng L đối chiếu, kiểm tra lại các khoản chi và số tiền cắt xén; đồng thời, báo cho H để chỉ đạo chi các khoản tiền cắt xén.

Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2015, U yêu cầu Công ty V xuất hóa đơn để trường lưu và L thanh toán bằng tiền mặt cho Công ty V. Từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2016, do H chỉ đạo trường không có nhu cầu cần hóa đơn mua hàng nên U thực hiện việc tính toán, đối chiếu và tổng hợp các khoản tiền, kể cả tiền cắt xén hàng tháng bằng tổng hợp trên máy tính, rồi đưa bảng tổng hợp này cho L biết để chi và thanh toán các khoản tiền.

Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016, số tiền chênh lệch từ việc cắt xén suất ăn sáng của trẻ được xác định là 163.594.000 đồng. Trong đó, H đã chỉ đạo L chi cho cá nhân H số tiền 9.380.000 đồng (*Tháng 1 chi 6.860.000 đồng và tháng 2 năm 2016 chi 2.520.000 đồng*) để chi tiêu cá nhân và chỉ đạo nhập quỹ tự lập để chi cho các hoạt động của nhà trường sai với quy định là 154.214.000 đồng.

2. Về việc chiếm đoạt tiền ăn trưa:

Trường thu tiền ăn bán trú 30.000 đồng/suất/ngày theo quy định tại Công văn số 902/UBND-GDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của UBND quận C. Bao gồm tiền ăn xế và ăn trưa.

Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016, H giao cho Nguyễn Thị U phụ trách việc lên thực đơn bán trú của trẻ, gửi cho Công ty V để cung cấp thực phẩm ăn xế và gửi cho Công ty TNHH DV và TM T để cung cấp thực phẩm ăn trưa (*Trụ sở tại 262 L, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng*),(*Gọi tắt là Công ty T*). Trong quá trình lên thực đơn, H chỉ đạo U mỗi ngày trực tiếp thực hiện việc cắt xén phần thực phẩm ăn trưa của trẻ khoảng 20 suất và không thực hiện việc cắt xén thực phẩm ăn xế.

Thực hiện chỉ đạo của H, trong quá trình lên thực đơn, U cắt xén khoảng 20 suất ăn của trẻ và sử dụng địa chỉ mail của mình là "nguyenthiut985@gmail.com" để gửi phần thực đơn này qua địa chỉ mail "haithuyenfc@gmail.com" của Công ty T để cung cấp thực phẩm cho trường. Quá trình cung cấp thực phẩm cho trường, Công ty T gửi mail cho U để đối chiếu công nợ định kỳ hàng tháng. Đồng thời, U sẽ căn cứ vào danh sách trẻ ăn trưa hàng tuần (*Do giáo viên của các lớp học gửi về*) để điều chỉnh lại bảng kê mua thực phẩm ăn trưa cho phù hợp với số trẻ đã đóng tiền ăn. Sau khi làm xong, U gửi mail cho Công ty T để làm căn cứ xuất hóa đơn

cho trường. Khi Công ty T xuất hóa đơn cho phần thực phẩm ăn trưa theo bảng kê mà U đã gửi mail trước đó (*Số lượng thực phẩm ghi trên hóa đơn lớn hơn số lượng thực phẩm mà công ty cung cấp thực tế cho trường*) thì Kế toán của Trường mầm non N là Nguyễn Thúy H căn cứ vào hóa đơn bán hàng nêu trên sẽ ủy nhiệm chi để thanh toán tiền mua thực phẩm của Công ty T. Số tiền chênh lệch của việc cắt xén suất ăn giữa phần thực phẩm thực nhận và phần thực phẩm ghi trên hóa đơn, Công ty T sẽ trừ cho số % chênh lệch thuế giá trị gia tăng, còn lại sẽ chuyển trả lại nhà trường khi có người đến lấy.

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2015, U tổng hợp số tiền chênh lệch từ việc cắt xén suất ăn trưa và báo bằng miệng để L biết theo dõi và liên hệ với Công ty T để nhận tiền cắt xén (*Trong số tiền đã thanh toán chuyển khoản*). Từng tháng, U báo cáo bằng miệng để H chỉ đạo L chi riêng cho H, nhập vào sổ tự lập do H chỉ đạo L lập, quản lý, theo dõi (*Đã bị thất lạc*). Do các bảng đặt mua thực phẩm (*Đã bị cắt xén*) gửi mail cho công ty thực phẩm đã bị xóa, không thể phục hồi dữ liệu được và các chứng từ do U lập để tổng hợp, tính toán cân đối thực phẩm, số suất ăn bị cắt xén đã bị thất lạc nên không xác định được trong thời gian này H có chỉ đạo U cắt xén suất ăn trưa để nhằm chiếm đoạt tiền.

Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2016, H đã chỉ đạo U tính toán, báo cáo bằng tài liệu chi tiết thể hiện về tình hình thu, chi và cắt xén suất ăn trưa trong từng tháng rồi thông báo cho H biết để H chỉ đạo L liên hệ với Công ty T nhận lại số tiền chiếm đoạt từ việc cắt xén các suất ăn. Sau khi nhận tiền, L báo cáo lại cho H biết để H chỉ đạo chi. Số tiền chênh lệch từ việc cắt xén suất ăn được xác định là 98.434.000 đồng, trong đó: H chỉ đạo L chi cho cá nhân H để chiếm đoạt cá nhân là 42.971.000 đồng và nhập vào quỹ tự lập của trường do L quản lý để chi cho các hoạt động của nhà trường là 55.463.000 đồng.

3. Về việc chiếm đoạt tiền phục vụ hoạt động năng khiếu:

Công văn số 1438/SGDĐT- GDMN ngày 23 tháng 5 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng quy định: Đồng ý cho các trường mầm non trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ký hợp đồng dạy môn năng khiếu Aerobic với Công ty TNHH MTV P và khi phụ huynh đăng ký học cho trẻ thì giao cho Công ty thu với số tiền 50.000 đồng/trẻ/tháng. Tuy nhiên, H chỉ đạo nhà trường tự tổ chức thu và chi tiền học môn Aerobic và các môn năng khiếu khác là đàn, vẽ, múa với mức thu 50.000 đồng/trẻ/tháng.

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2015, H giao công việc trực tiếp thu và chi tiền các khoản tiền học môn năng khiếu cho U và từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016 thì H thay đổi công việc trên của U và giao lại cho chị Phạm Thị Thanh G (*Là nhân viên hợp đồng thời vụ của trường*) trực tiếp theo dõi việc thu, chi các khoản tiền năng khiếu trên. Sau khi thu, tiến hành việc tổ chức dạy các môn năng khiếu theo như thoả thuận với phụ huynh và chi các khoản tiền phục vụ cho việc dạy các môn năng khiếu như: Trích lại 10% chi phí cho mỗi giáo viên phụ trách từng lớp học, chi phí cho hợp đồng thuê giáo viên dạy môn Aerobic của

Công ty P, chi phí cho các giáo viên trực tiếp dạy môn học năng khiếu và chi phí mua văn phòng phẩm,...H chỉ đạo U và G giao số tiền còn lại là 165.419.000 đồng cho H quản lý. Sau đó, H đã chiếm đoạt 69.666.000 đồng để sử dụng cá nhân, chi cho U 807.000 đồng, còn 94.946.000 đồng H chỉ đạo L nhập sổ quỹ tiền mặt và chi tổ chức cho giáo viên đi tham quan.

4. Về khoản tiền sữa sáng: H chỉ đạo giáo viên thỏa thuận thu của phụ huynh để cho trẻ uống sữa sáng tại trường là 6.000 đồng/suất/ngày nhưng chỉ cho trẻ uống 5.000 đồng/suất/ngày, còn 1.000 đồng H chỉ đạo giữ lại để chi cho hoạt động của nhà trường.

Trong thời gian từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, tổng số tiền sữa sáng H chỉ đạo để lại là 36.432.000 đồng, trong đó: H chỉ đạo U chuyển cho L 24.000.000đ để nhập quỹ đi tham quan (Do chị Đỗ Thị T quản lý), còn 12.432.000 đồng H chỉ đạo U bàn giao cho chị Lê Hồng Y Nữ Tiên N (*Là nhân viên y tế*) quản lý vào tháng 8 năm 2016. Số tiền này hiện chị N đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận C.

Tổng cộng, từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, Ngô Thị H đã chỉ đạo Phạm Thị Ngọc T, Nguyễn Thị U, Từ Thị Ngọc L thực hiện việc cắt xén tiền thực phẩm ăn sáng, ăn trưa của trẻ và chiếm đoạt cho cá nhân số tiền 52.351.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức dạy các môn năng khiếu tại nhà trường, H đã chiếm đoạt số tiền 69.666.000 đồng. Tổng cộng, H đã chiếm đoạt cho cá nhân 122.017.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu không trăm mười bảy ngàn đồng*). L, U đã giúp sức tích cực cho H chiếm đoạt tiền ăn sáng, ăn trưa của trẻ với số tiền 52.351.000 đồng, qua đó L hưởng lợi số tiền là 9.050.000 đồng (*Chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng*), U hưởng lợi số tiền 4.607.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng*). T có hành vi giúp sức cho H chiếm đoạt tiền ăn sáng của trẻ với số tiền 9.380.000 đồng.

Ngoài ra, H chỉ đạo L, U, T cắt xén tiền ăn sáng, ăn trưa, sữa sáng và tiền phục vụ hoạt động năng khiếu của trẻ có được rồi nhập quỹ tự lập chi cho các hoạt động của nhà trường với số tiền 341.055.000 đồng.

* Vật chứng tạm giữ: Tiền Việt Nam: 247.366.521 đồng, trong đó: Ngô Thị H giao nộp 199.935.521 đồng; Phạm Thị Ngọc T giao nộp 2.400.000 đồng; Nguyễn Thị U giao nộp 4.800.000 đồng; Từ Thị Ngọc L giao nộp 9.950.000 đồng; chị Phan Thị T giao nộp 2.000.000 đồng; chị Nguyễn Thúy H giao nộp 900.000 đồng; chị Lê Hồng Y Nữ Tiên N giao nộp 27.381.000 đồng và một số vật chứng khác đã được nêu tại bản án sơ thẩm.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2019/HSST ngày 19/4/2019 của Toà án nhân dân quận Liên Chiểu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự; ***Xử phạt***: Xử phạt Phạm Thị Ngọc T 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản". Thời

hạn chấp hành tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Ngô Thị H, Nguyễn Thị U, Từ Thị Ngọc L; phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

+ Ngày 06 tháng 05 năm 2019, bị cáo Ngô Thị H có đơn kháng cáo cho rằng mức án 18 tháng tù về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" là nặng và xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng đến ngày 05 tháng 06 năm 2019 bị cáo H đã rút toàn bộ đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng đã ban hành Thông báo về việc rút đơn kháng cáo của bị cáo H, bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo H. Riêng các bị cáo Nguyễn Thị U và Từ Thị Ngọc L không kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên bản án đã có hiệu lực pháp luật với các bị cáo này.

+ Ngày 03 tháng 05 năm 2019, bị cáo Phạm Thị Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung: kêu oan, cho rằng không phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, cho rằng: Khi lên thực đơn ăn sáng, theo chỉ đạo của bị cáo H, bị cáo có cắt xén khoảng 40 suất ăn/ngày, nhưng do tin H nói là để trả lại cho phụ huynh và bù vào khoản tiền thất thu do trẻ nghỉ học không nộp học phí; việc làm này của bị cáo là đúng với chức trách, nhiệm vụ được giao theo sự phân công của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ của nhà trường; bị cáo hoàn toàn không dược bạc, thống nhất ý chí phạm tội với bị cáo H, không được ăn chia hay hưởng lợi gì, không biết việc tính toán số tiền chênh lệch là bao nhiêu, việc bị cáo H chiếm đoạt bao nhiêu tiền là do ý chí của bị cáo H, bị cáo hoàn toàn không biết nên bị cáo không đồng phạm với bị cáo H . Những sai phạm đã xảy ra tại Trường Mầm non N được phát hiện, thanh tra, điều tra là do bị cáo và một số giáo viên khác đã tự giác đấu tranh, tố giác đến các cơ quan có thẩm quyền. Bị cáo không chủ động thực hiện hành vi sai trái; không chủ động lập, yêu cầu, quản lý các tài liệu, chứng từ, sổ sách liên quan đến tài chính như kết luận của các cơ quan tố tụng. Bị cáo đã phải chịu rất nhiều áp lực khi bị cáo H dùng quyền của Hiệu trưởng, quyền chỉ đạo của Bí thư chi bộ để lừa dối, đe dọa, chửi mắng. Trong quá trình điều tra, tại những thời điểm tinh thần bị bấn loạn, sức khỏe suy giảm do mới sinh dậy, nhiều lần bị cáo bị Điều tra viên, Cán bộ điều tra ép cung, gây áp lực và hướng dẫn bị cáo khai không đúng sự thật khách quan của vụ án. Có thời điểm, Cán bộ điều tra và Kiểm sát viên ép bị cáo phải ký vào bản cung thiếu khách quan, phiến diện. Cán bộ điều tra ép bị cáo làm việc, viết bản khai đến hơn 18 giờ tối đồng thời phải ký vào biên bản làm việc mới cho bị cáo về; Công ty V có biểu hiện giúp sức cho bị cáo H để xuất hoá đơn bán hàng không đúng sự thật là vi phạm pháp luật nghiêm trọng nhưng không bị xử lý là không

công bằng. Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

* Các luật sư Bùi Bá D, Nguyễn Minh K bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ngọc T thống nhất cho rằng: Bị cáo T không phạm tội như kết luận của bản án sơ thẩm;việc bị cáo lên 02 bản thực đơn là theo chỉ đạo, phân công của Hiệu trưởng, điều này là phù hợp với Điều lệ của Nhà trường; bị cáo hoàn toàn không biết được mục đích chiếm đoạt của bị cáo H; không được bàn bạc hay phân công cụ thể gì, bản thân bị cáo không hay biết hay liên quan đến vấn đề tài chính mà việc này là do bị cáo U và bị cáo L thực hiện với Công ty V; bị cáo cũng không chiếm đoạt hay hưởng lợi gì từ số tiền tiền mà cơ quan tiến hành tố tụng kết luận, chiếm đoạt bao nhiêu là do bị cáo H thực hiện bị cáo khônghay biết; quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được các bản thực đơn do bị cáo T lập gửi cho Công ty V thông qua Mail của bà Nguyễn Thị T mặc dù các luật sư đã đề nghị; việc làm này là thất trách, thiếu trách nhiệm, không đủ căn cứ để buộc tội bị cáo nên cần áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội để tuyên bị cáo không phạm tội; bị cáo T chỉ là nạn nhân của hành vi phạm tội tinh vi của bị cáo H, bị cáo T thực hiện hành vi lập 02 bản thực đơn là do tin tưởng bị cáo H nói là để bù đắp những khoản thiếu hụt của nhà trường và để trả lai cho phụ huynh học sinh có trẻ đăng ký nhưng không ăn sáng. Bị cáoT là người chủ động Báo cáo hành vi sai trái của Hiệu trưởng H gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo, Công đoàn quận C vào ngày 02 tháng 6 năm 2016, là người có công chứ không có tội; Bản kết luận điều tra số 83 ngày 27 tháng 7 năm 2018 kết luận số tiền ăn sáng bị chiếm đoạt là 163.594.000 đồng, nhưng Cáo trạng chỉ truy tố các bị cáo chiếm đoạt 9.380.000 đồng tiền ăn sáng là mâu thuẫn. Cần phải làm rõ số tiền bị chiếm đoạt thuộc sở hữu của ai? Ai bị chiếm đoạt? Nếu Trường bị chiếm đoạt thì hành vi của bị cáo H có dấu hiệu phạm tội "Tham ô". Quá trình điều tra, không thu thập được những chứng cứ quan trọng, như: Biên bản giao nhận thực phẩm ăn sáng, chứng từ xuất - nhập kho thực phẩm ăn sáng. Trách nhiệm, vai trò của Công ty V và chị Nguyễn Thị T chưa được làm rõ. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo, căn cứ Bảng thực đơn dự kiến đặt thực phẩm để "tính bình quân" số tiền chênh lệch hàng ngày là "khoảng 40 suất", rồi suy ra số tiền chênh lệch hàng tuần, hàng tháng là thiếu căn cứ pháp lý. Trong quá trình làm việc với cơ quan điều tra, T không được xác định tư cách tham gia tố tụng rõ ràng, gọi điện thoại làm việc mà không gửi Giấy triệu tập, làm việc trong giai đoạn cuối của thai kỳ và những ngày đầu tiên của thời kỳ hậu sản. Lời khai của các bị án H, U, L và người liên quan là bà Nguyễn Thị T tại các phiên tòa là không khách quan, không đáng tin. Nhận định của bản án sơ thẩm liên quan đến hành vi phạm tội và ý thức của bị cáo T là mang tính chủ quan, áp đặt, phiến diện, cố ý quy buộc trách nhiệm liên đới cho bị cáo T. Do vậy, các luật sư K và D đều đồng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Riêng luật sư Đặng văn C cho rằng trong vụ án này từ đầu đến cuối bị cáo T liên tục kêu oan, không thừa nhận hành vi của mình là đồng phạm tội với bị cáo H. Về mặt hành vi thì bị cáo có thừa nhận là người đã lập hai bản thực đơn khác nhau gửi cho Công ty V nhưng bị cáo thực hiện là theo sự chỉ đạo và phân công của Hiệu trưởng, bị cáo luôn cho rằng là mình làm đúng với chức trách nhiệm vụ được giao. Về mặt ý thức bị cáo hoàn toàn không có ý thức đồng phạm với bị cáo H, không được bàn bạc, phân công hay biết được ý định chiếm đoạt của bị cáo H, thực tế bị cáo T không tư lợi đồng nào từ những số tiền mà các cơ quan tiến hành tố tụng kết luận. Bản thân bị cáo là người có công tố giác tội phạm thể hiện qua đơn báo cáo, tố giác những việc làm sai phạm của bị cáo H đến các cơ quan chức năng, từ đó mới có việc cơ quan điều tra khởi tố vụ án này; nếu hành vi của bị cáo có cấu thành tội phạm thì tính chất mức độ phạm tội là thấp, mờ nhạt nhất; bản thân bị cáo là người có công tố giác tội phạm trước khi vụ án bị phát hiện, đáng được khoan hồng theo chính sách hình sự của pháp luật hình sự Việt Nam. Từ đó luật sư đề nghị tuyên miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc T là hợp lệ, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Bị cáo Phạm Thị Ngọc T nguyên là Hiệu phó phụ trách bán trú Trường mầm non N là người có chức vụ quyền hạn; trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đã đồng phạm, tiếp nhận ý chí của bị cáo Ngô Thị Ngọc H nguyên Hiệu trưởng Trường mầm non N trong việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ trong khoảng thời gian từ tháng 09/2015 đến tháng 04/2016, số tiền chênh lệch từ việc cắt xén suất ăn sáng của trẻ được xác định là 163.594.000 đồng, qua đó giúp sức tạo điều kiện cho bị cáo H chiếm đoạt số tiền là 9.380.000 để chi tiêu cá nhân và nhập quỹ tự lập để chi cho các hoạt động của nhà trường sai với quy định là 154.214.000đồng. Với hành vi trên, Phạm Thị Ngọc T cùng với các đồng phạm đã bị Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo Điều 355 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật. Các đồng phạm trong vụ án bao gồm bị cáo Ngô Thị H, Nguyễn Thị U và Từ Thị Ngọc L đều không có kháng cáo kêu oan hoặc chỉ có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các lý do căn cứ kháng cáo kêu oan của bị cáo T cũng như quan điểm bào chữa của các luật sư là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trường mầm non N là trường mầm non công lập được thành lập theo Quyết định số 430/QĐ-GD&ĐT ngày 04 tháng 5 năm 2006 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, Ngô Thị H được bổ nhiệm là Hiệu trưởng của trường, Phạm Thị Ngọc T là Hiệu phó phụ trách bán trú, Từ Thị Ngọc L là thủ quỹ và Nguyễn Thị U là nhân viên cấp dưỡng của trường. Căn cứ khoản 2 Điều 352 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: *Người có chức vụ là người được bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ*. Đối chiếu với quy định trên thì Ngô Thị H, Phạm Thị Ngọc T, Từ Thị Ngọc L và Nguyễn Thị U là người có chức vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

[2]. Quá trình điều tra và kết quả của phiên tòa sơ thẩm đã xác định: Trong giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016, Ngô Thị H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn là Hiệu trưởng của Trường mầm non N chỉ đạo cho các nhân viên cấp dưới gồm Phạm Thị Ngọc T - Phó Hiệu trưởng phụ trách bán trú, Nguyễn Thị U - Nhân viên cấp dưỡng, Từ Thị Ngọc L - Thủ quỹ, thực hiện việc mỗi ngày cắt xén khoảng 40 suất ăn sáng, 20 suất ăn bán trú và 1.000 đồng tiền sữa sáng/1 trẻ học bán trú; đồng thời thu chi các khoản tiền học năng khiếu của trẻ không đúng quy định; qua đóH chiếm đoạt riêng cho cá nhân 122.017.000 đồng. Trong đó, xác định được số tiền chênh lệch từ việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ có liên quan đến hành vi của bị cáo T là 163.594.000 đồng, riêng H chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân là 9.380.000 đồng, còn lại 154.214.000 đồng H chỉ đạo nhập quỹ tự lập để chi cho các hoạt động của nhà trường sai với quy định.

Ngoài ra, H còn chỉ đạo L, U cắt xén tiền ăn trưa, tiền sữa và tiền phục vụ hoạt động năng khiếu của trẻ rồi nhập quỹ tự lập chi cho các hoạt động của nhà trường với số tiền 341.055.000 đồng.

Với hành vi trên, Ngô Thị H và các đồng phạm là Phạm Thị Ngọc T, Nguyễn Thị U và Từ Thị Ngọc L đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 355 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với các mức án H 18 tháng tù, U 09 tháng tù cho hưởng án treo, L 09 tháng tù cho hưởng án treo và T 06 tháng cải tạo không giam giữ. Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo U, L và T là người đồng phạm, tiếp nhận ý chí và giúp sức cho bị cáo H thực hiện hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; trong đó xác định bị cáo H chiếm đoạt tổng số tiền là 122.017.000 đồng sử dụng cho cá nhân, bị cáo U được hưởng lợi số tiền là 4.067.000 đồng, bị cáo L được hưởng lợi số tiền là 9.050.000 đồng; riêng bị cáo T giúp sức để cho bị cáo H chiếm đoạt số tiền 9.380.000 đồng, bản thân T không hưởng lợi đồng nào.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng đã rút đơn kháng cáo để thi hành bản án, các bị cáo U và L không có kháng cáo và không bị kháng cáo kháng nghị nên bản án sơ thẩm đã có hiệu lực đối với 3 bị cáo này.

[3]. Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Phạm Thị Ngọc T, HĐXX nhận thấy: Bị cáo Phạm Thị Ngọc T với tư cách là Hiệu phó phụ trách bán trú, theo luật định cũng là người có chức vụ, quyền hạn; có đầy đủ khả năng nhận thức được các quy định của pháp luật và của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, đào tạo và giáo dục mầm non để từ đó lựa chọn cách ứng xử và điều khiển hành vi của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bản thân bị cáo nhận thức được việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ là vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của ngành cấp trên, làm ảnh hưởng đến khẩu phần dinh dưỡng của trẻ. Tuy nhiên, vì nghe theo sự chỉ đạo của bị cáo H, mặc dù biết việc làm đó là sai trái nhưng bị cáo vẫn mặc nhiên tiếp nhận ý chí của bị cáo H, thực tế có thực hiện việc cắt xén thực phẩm suất ăn sáng khoảng 40 suất/ngày thông qua việc lên thực đơn, gửi mail cho công ty thực phẩm với số lượng đã cắt xén, đồng thời làm lại bảng kê thực đơn giao nhận thực phẩm sáng đúng với số lượng trẻ đăng ký để đối phó khi bị kiểm tra theo yêu cầu của bị cáo H; việc làm này của bị cáo T đã giúp sức cho bị cáo H thực hiện hoàn thành việc chiếm đoạt tài sản là 9.380.000 đồng trong tổng số tiền chênh lệch dôi dư từ các khẩu phần ăn sáng của trẻ là 163.594.000 đồng;hành vi này của bị cáo T là thỏa mãn các dấu hiệu của người đồng phạm giúp sức theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự; bị cáo T là một trong những người thực hiện một hành vi trong chuỗi các hành vi sai phạm theo chỉ đạo của bị cáo H, qua đó giúp sức, tạo điều kiện cho bị cáo H thực hiện hoàn thành tội phạm.

Mặc dù, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm bị cáo T cho rằng thực hiện việc làm trên là theo sự chỉ đạo của bị cáo H vì tin bị cáo H nói mục đích của việc làm trên là để trả lại tiền cho phụ huynh và bù đắp những khoản thất thu trong tháng chứ bị cáo hoàn toàn không biết được mục đích chiếm đoạt của bị cáo H và không tham gia bàn bạc trao đổi gì với bị cáo H và cũng không chiếm đoạt hay vụ lợi gì; cho rằng việc làm này là đúng với chức trách nhiệm vụ được giao theo Điều lệ của Nhà trường. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng: tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm các bị án H, U và L đều thừa nhận hành vi của mình theo như kết luận của bản án sơ thẩm là đúng, Tòa sơ thẩm xét xử các bị án về tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản" là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H một lần nữa khẳng định khi chỉ đạo bị cáo T làm lại bảng giao nhận đã cân đối với công ty cung cấp thực phẩm sáng, bị cáo H có nói mục đích để đối phó và phục vụ kiểm tra cho T biết; lời khai của bị cáo L thể hiện từ tháng 09/2015 đến tháng 03/2019 hoàn toàn không có việc trả lại tiền ăn sáng cho trẻ đã đóng tiền; hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của kế toán Nguyễn Thúy H thể hiện thực tế có tháng có trả lại tiền cho phụ huynh nhưng là tiền ăn trưa đối với những trẻ không đi học chứ không phải tiền ăn sáng; lời khai của bà Nguyễn Thị T kế toán

Công ty V thể hiện: chính T là người gửi Mail 02 bản thực đơn có nội dung khác nhau và đề nghị Công ty V xác nhận, đóng dấu vào bảng kê thực đơn gửi lại cho nhà trường. Tài liệu điều tra và lời khai của các bị án H, U và L tại phiên tòa thể hiện: bản chất của việc cắt xén khẩu phần ăn sáng là vẫn có ăn sáng nhưng số lượng, chất lượng khẩu phần ăn và giá trị suất ăn không đúng với quy định và thỏa thuận thu của phụ huynh học sinh để từ đó chiếm đoạt số tiền chênh lệch từ việc cắt xén giá trị khẩu phần ăn sáng của trẻ.Và thực tế kết quả điều tra cho thấy là có dôi dư số tiền từ việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ, tạo điều kiện cho bị cáo H chiếm đoạt cho cá nhân và lập quỹ tự lập sử dụng sai quy định của Nhà nước.

Bị cáo T cho rằng không được chia chác hay hưởng lợi gì từ số tiền chênh lệch trong việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ và cho rằng thực hiện công việc trên là theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng vì tin trưởng lời nói của Hiệu trưởng; bản thân không bàn bạc, không câu kết và không hưởng lợi nên không đồng phạm tội như bị cáo H là không có căn cứ pháp luật vì: Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn; có hiểu biết quy định của pháp luật và của ngành, biết việc làm của bị H là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn mặc nhiên tiếp nhận ý chí của bị cáo H, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo H trong việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ trong một thời gian dài từ tháng 09/2015 đến tháng 4/2016, tạo điều kiện cho bị cáo H hoàn thành tội phạm, chiếm đoạt số tiền 9.380.000 đồng. Hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp được loại trừ trách nhiệm hình sự do thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên vì quy định này chỉ áp dụng trong lĩnh vực vũ trang nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật hình sự.

Việc bị cáo và các luật sư cho rằng bị cáo là người đã ký với đơn báo cáo tố giác hành vi vi phạm pháp luật của Hiệu trưởng gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo, Công đoàn quận Cvào ngày 02 tháng 6 năm 2016, là người có công chứ không có tội cũng không có căn cứ pháp luật vì: Hành vi của bị cáo cùng đồng phạm H đã hoàn thành trước đó nên việc bị cáo tố cáo cũng không thuộc trường hợp "Tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm" theo quy định tại Điều 16 Bộ luật hình sự, mà việc bị cáo thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của bị cáo H, bản thân không hưởng lợi hay việc bị cáo cùng một số giáo viên khác tố cáo hành vi của bị cáo H chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi lượng hình.

Việc các luật sư cho rằng việc điều tra chưa đầy đủ, không thu giữ được các bản thực đơn do bị cáo T lập gửi cho Công ty V thông qua Mail của bà Nguyễn Thị T nên không có tài liệu chứng cứ trực tiếp nào chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo T hay hành vi đồng phạm của bị cáo T với bị cáo Hlà không có căn cứ; việc các luật sư cho rằng có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, thu thập chứng cứ như: ban đầu triệu tập mà không xác định tư cách tham gia tố tụng của bị cáo T, lấy lời khai trong tình trạng sức khỏe của bị cáo không đảm bảo, khi đang mang thai, tinh thần bấn loạn hay lấy lời khai đến 18h hoặc 19h; có biểu hiện ép cung, mớm cung buộc bị cáo T phải ký vào những bản cung không đúng sự thật là không có căn cứ bởi những vấn đề này đã đuộc nêu ra tại Tòa án cấp sơ

thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã kiểm tra và đánh giá; về việc bị cáo T và các luật sư Khánh và Dũng cho rằng Công ty V có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo H trong vụ án này hoặc là hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn chứng từ, xuất chứng từ không có nội dung không đúng sự thật nên đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của Công ty V, HĐXX nhận thấy: yêu cầu này không nằm trong nội dung đơn kháng cáo của bị cáo, Công ty V có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về quản lý hóa đơn chứng từ nhưng không có đủ căn cứ Công ty V có đồng phạm với bị cáo H nên Tòa án cấp sơ thẩm đã kiến nghị cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra làm rõ để xử lý hành chính là có căn cứ pháp luật. Do vậy, HĐXX không chấp nhận những quan điểm này của các vị luật sư Dũng và Khánh.

Từ những phân tích, nhận định trên, HĐXX kết luận: Hành vi của bị cáo T là hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo H trong việc chiếm đoạt tiền từ việc cắt xén khẩu phần ăn sáng của trẻ, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo T là số tiền 9.380.000 đồng mà bị cáo H đã chiếm đoạt như Bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng người, đúng tội, không oan như kháng cáo của bị cáo và luận cứ bào chữa của các luật sư nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Trường hợp phạm tội của bị cáo cùng với những tình tiết, sự kiện có liên quan cho thấy bị cáo thuộc trường hợp lần đầu phạm tội là người giúp sức trong vụ án đồng phạm có vai trò không đáng kể; có công tố giác tội phạm trước khi tội phạm được phát hiện, đáng được khoan hồng giảm nhẹ, có thể xem xét miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo chỉ kháng cáo kêu oan mà không kháng cáo đề nghị xem xét tính chất mức độ phạm tội hay kháng cáo về hình phạt; quá trình xét xử sơ, phúc thẩm đều không thừa nhận tội, chưa thể hiện thái độ thực sự ăn năn hối lỗi về hành vi và việc làm của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sơ để xem xét về chế tài hình sự áp dụng cho bị cáo.

[3]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS 2015;Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Thị Ngọc T 06 (*Sáu*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2/. Vềán phí: Bị cáo Phạm Thị Ngọc Tphải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Phòng HSNV-CA TP ĐN (PV27);
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- TAND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp TPĐN;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Long